

Số: /TTr-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia
hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030 và Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 – 2030, Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (viết tắt là Kế hoạch) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH KẾ HOẠCH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

- “Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ, hội nhập quốc tế dựa trên các nền tảng hạ tầng kỹ thuật hiện đại, công nghệ số và mô hình quản trị thông minh. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng... Chuyển hình thức kiểm soát đối tượng, công đoạn cụ thể sang quản lý chuỗi sản phẩm, từ khâu nghiên cứu tiên sản xuất, tổ chức sản xuất đến tổ chức phân phối, lưu thông, tiêu dùng và xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa mang thương hiệu Việt Nam.

Đẩy mạnh ứng dụng giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, tạo môi trường sản xuất, kinh doanh minh bạch.

Nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất nhập khẩu.

- Phát triển các tổ chức công nhận quốc gia, tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc gia... để thực hiện cơ chế trọng tài phục vụ công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong phạm vi cả nước, đáp ứng yêu cầu và thông lệ quốc tế.

- Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bảo đảm số lượng và chất lượng; đầu tư nâng cấp cơ sở đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Quy hoạch và thực hiện đúng quy hoạch phát triển các trung tâm kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong toàn quốc. Xây dựng ít nhất một trung tâm kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ở mỗi vùng kinh tế trọng điểm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở từng vùng;... xây dựng một số trung tâm kiểm định đạt chuẩn quốc tế.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tuân thủ các điều ước, các thỏa thuận quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia.”.

b) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó Bộ Chính trị yêu cầu quán triệt thực hiện tốt các nội dung sau:

“- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số”.

c) Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, trong đó Luật quy định “Chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật” các nội dung sau:

“1. Chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

2. Hỗ trợ, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ phục vụ hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đầu tư phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam, đào tạo kiến thức về tiêu chuẩn và quy

chuẩn kỹ thuật cho các ngành kinh tế - kỹ thuật.”

Ngoài ra, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trong đó Luật quy định “Chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật” các nội dung sau:

“1. Ưu tiên bố trí ngân sách khoa học và công nghệ cho nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật. Bảo đảm kinh phí cho cơ quan, tổ chức của Nhà nước tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

2. Đầu tư nguồn lực, cơ sở vật chất cho hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; phát triển tổ chức đánh giá sự phù hợp hiện đại, hội nhập quốc tế; đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng, áp dụng, phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư từ hiệp hội, hội, doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; phát triển dịch vụ tiêu chuẩn theo phương thức hợp tác công tư; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam.

4. Đầu tư, nâng cấp cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đầu ngành có uy tín đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thông qua hoạt động đào tạo chính quy, đào tạo nghề và bồi dưỡng chuyên môn tại các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

5. Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đồng bộ, đầy đủ, thống nhất theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng từ một số lĩnh vực trọng điểm sang toàn bộ nền kinh tế; triển khai các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn hiệu quả.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người dân về vai trò, ý nghĩa vị trí, tầm quan trọng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phổ biến tiêu chuẩn dưới nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò của tiêu chuẩn, xây dựng văn hóa tiêu

chuẩn trong xã hội; tổ chức Ngày Tiêu chuẩn Thế giới tại Việt Nam.

7. Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.”

Đồng thời, Luật sửa đổi, bổ sung quy định “Hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật” các nội dung sau:

“1. Nhà nước khuyến khích mở rộng hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng và cùng có lợi; bảo đảm nguồn lực để các đại diện của Việt Nam tham gia xây dựng tiêu chuẩn của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; bố trí nguồn lực để doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và chuyên gia kỹ thuật trong nước tham gia ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế trong các lĩnh vực liên quan.

2. Nhà nước tạo điều kiện và có biện pháp thúc đẩy việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thừa nhận lẫn nhau đối với kết quả đánh giá sự phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho việc phát triển thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ.”.

d) Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12, trong đó Luật quy định “Chính sách của nhà nước về hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá” các nội dung sau:

“1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến cho sản phẩm, hàng hoá và công tác quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh.

2. Xây dựng chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

3. Đầu tư, phát triển hệ thống thử nghiệm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

5. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; xây dựng ý thức sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá có chất lượng, vì quyền lợi người tiêu dùng, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường; nâng cao nhận thức xã hội về tiêu dùng, xây dựng tập quán tiêu dùng văn minh.

6. Khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia vào hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Mở rộng hợp tác với các quốc gia, các vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực, tổ chức và cá nhân nước ngoài trong hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tăng cường ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau giữa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực về kết quả đánh giá sự phù hợp; khuyến khích các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp với tổ chức tương ứng của các nước, vùng lãnh thổ nhằm tạo thuận lợi cho phát triển thương mại giữa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ.”

Ngoài ra, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trong đó Luật quy định “Chính sách của Nhà nước về hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa” các nội dung sau:

“1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến cho sản phẩm, hàng hóa và công tác quản lý, điều hành sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường; tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia vào hoạt động đánh giá sự phù hợp.

2. Xây dựng chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ nâng cao năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hạ tầng chất lượng quốc gia.

3. Đầu tư, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đa dạng hóa, đổi mới phương thức tuyên truyền, xây dựng ý thức sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông sản phẩm, hàng hóa có chất lượng, vì quyền lợi người tiêu dùng, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường; nâng cao nhận thức xã hội về tiêu dùng, xây dựng tập quán tiêu dùng văn minh, phát triển bền vững; tuyên truyền về vai trò của Giải thưởng Chất lượng quốc gia.

5. Thúc đẩy hợp tác quốc tế về chất lượng sản phẩm, hàng hóa để mở rộng thị trường xuất khẩu; ưu tiên ký kết và khuyến khích thừa nhận lẫn nhau kết quả

đánh giá sự phù hợp giữa Việt Nam và các đối tác quốc tế, không tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết, tiết kiệm chi phí tuân thủ và tạo thuận lợi thương mại cho hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

6. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc và công nghệ số để minh bạch thông tin về xuất xứ, quy trình sản xuất, chuỗi cung ứng và chất lượng sản phẩm; xây dựng cơ chế chứng nhận chuỗi cung ứng có khả năng xác thực độc lập, khách quan, phù hợp thông lệ quốc tế nhằm nâng cao tính minh bạch chất lượng, truy xuất nguồn gốc và ngăn ngừa hành vi gian lận thương mại.”

Đồng thời, Luật sửa đổi, bổ sung quy định “Hạ tầng chất lượng quốc gia; Hỗ trợ nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong hạ tầng chất lượng quốc gia; Truy xuất nguồn gốc và minh bạch chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hoá; Ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá”.

đ) Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021 – 2030, trong đó UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm “Xây dựng kế hoạch 5 năm, hằng năm thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác thuộc thẩm quyền quản lý nhằm nâng cao năng suất chất lượng các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của địa phương; Bố trí kinh phí, huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan”.

e) Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 – 2030, trong đó UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm “Xây dựng và triển khai Kế hoạch nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lồng ghép với các chương trình khoa học và công nghệ, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác thuộc thẩm quyền quản lý, thực hiện từ năm 2021; Bố trí kinh phí, huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện Kế hoạch nâng cao năng suất chất lượng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định pháp luật liên quan”.

2. Thực tiễn triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình Chương

trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh

Kết quả triển khai Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh Bình Định và Kế hoạch số 1866/KH-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh Gia Lai (cũ) về thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 cụ thể như sau:

a) Các mục tiêu hoàn thành

Các mục tiêu của Kế hoạch thực hiện Chương trình NSCL giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh đạt và vượt yêu cầu đề ra, cụ thể: (i) Hoạt động thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, xã hội về hoạt động NSCL; (ii) Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu về NSCL; (iii) Đào tạo, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các giải pháp, công cụ nâng cao NSCL; (iv) Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các công cụ nâng cao NSCL, hệ thống quản lý và đồng bộ các giải pháp, Giải thưởng Chất lượng quốc gia; (v) Đầu tư tiềm lực nâng cao năng lực hoạt động và cung cấp dịch vụ đánh giá sự phù hợp; (vi) Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh (Bình Định), trung bình giai đoạn 2021-2025 đạt 42,94%.

b) Các mục tiêu chưa hoàn thành

Một số nhiệm vụ đã thực hiện, tuy nhiên, kết quả chưa đạt mục tiêu đề ra theo Kế hoạch, cụ thể: (i) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các giải pháp năng suất xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; (ii) Hỗ trợ bệnh viện áp dụng công cụ NSCL, hệ thống tiên tiến và trường học áp dụng 5S; (iii) Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến NSCL, công cụ hỗ trợ cho chuyển đổi số tiến tới sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; (iv) Hình thành câu lạc bộ cải tiến năng suất; (v) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân năm của tỉnh (Bình Định) trong giai đoạn 2021-2025; (vi) Tỷ trọng đóng góp của TFP vào tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh (Gia Lai sau sáp nhập), trung bình giai đoạn 2021-2025 đạt 32,09%.

3. Hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế: Nhận thức về năng suất chất lượng của một bộ phận doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa đầy đủ; hoạt động đo lường năng suất và kiểm soát giá thành chưa được quan tâm đúng mức; việc áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến còn mang tính hình thức ở một số doanh nghiệp, hiệu quả dừng ở mức duy trì; tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ chưa đạt yêu cầu.

Nguyên nhân: Chủ yếu từ tư duy về vai trò của năng suất chất lượng đối với năng lực cạnh tranh chưa được quán triệt đầy đủ; năng lực quản trị, tiếp cận

công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế; năng lực của các tổ chức tư vấn, đánh giá chứng nhận chưa đồng đều; công tác kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ còn hạn chế; thay đổi cơ chế quản lý tài chính và nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong giai đoạn 2023–2025 ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện; mức độ chủ động tham gia mô hình điểm của doanh nghiệp chưa cao; đội ngũ chuyên gia địa phương còn phụ thuộc lực lượng bên ngoài.

Xuất phát từ đánh giá thực tiễn và các yêu cầu quy định nêu trên, việc xây dựng và triển khai Kế hoạch nhằm tiếp tục thực hiện mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng, đưa năng suất trở thành động lực phát triển quan trọng, tạo sức cạnh tranh của nền kinh tế và phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo yêu cầu của Chương trình, Kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 và Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030 là yêu cầu cơ bản, rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục đích

Đảm bảo tính liên tục và theo yêu cầu trong việc tổ chức thực hiện Chương trình và Kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 và Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021, với trách nhiệm được giao đối với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kế hoạch xác định mục tiêu, giải pháp triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng, đưa năng suất trở thành động lực phát triển quan trọng trong các ngành, lĩnh vực, thông qua việc ứng dụng các thành tựu mới của khoa học, công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất tiên tiến, kết hợp với nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nhằm tạo sức cạnh tranh của nền kinh tế và phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

Dự thảo Kế hoạch được xây dựng dựa trên các cơ sở cụ thể như sau:

a) Mục tiêu

- Kết quả triển khai thực tiễn Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập lục tiêu Kế hoạch trong giai đoạn theo định hướng mục tiêu của Chương trình và Kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số: 1322/QĐ-TTg và 36/QĐ-TTg, phù hợp với yêu cầu thực tiễn triển khai tại địa phương. Phần đầu nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đến năm 2030 đạt mức tối

thiểu 45% (theo Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của tỉnh uỷ Gia Lai và Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 27/10/2025 của UBND tỉnh), hướng đến mục tiêu đạt tối thiểu 50% (theo Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất I, nhiệm kỳ 2025-2030).

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Đảm bảo theo định hướng của Chương trình, Kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và thực tiễn tại địa phương, nội dung cơ bản cụ thể như sau: (i) Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy các hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, công tác quản lý nhà nước; (ii) Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về năng suất chất lượng; (iii) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các tiến bộ KH&CN, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; (iv) Đào tạo nguồn nhân lực thúc đẩy hoạt động NSCL và công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (v) Tăng cường năng lực hoạt động tư vấn và đánh giá sự phù hợp; (vi) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế; (vii) Tôn vinh, khen thưởng; (viii) Nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh.

3. Quá trình xây dựng

Sở Khoa học và Công nghệ (trực tiếp Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và nghiên cứu các nội dung, nhiệm vụ theo các Quyết định số: 1322/QĐ-TTg và 36/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, dự thảo Kế hoạch triển khai trong giai đoạn 2026-2030 của tỉnh.

Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ban, ngành, UBND xã, phường và tổ chức, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh, đồng thời, đăng tải toàn bộ hồ sơ dự thảo Kế hoạch giai đoạn 2026-2030 trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Gia Lai.

Xin ý kiến của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (cơ quan trực tiếp triển khai Chương trình, Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ) và tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch trước khi trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

III. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ các nguồn vốn: Kinh phí từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện

a) Sở Khoa học và Công nghệ

Cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá sơ kết và tổ chức tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch; đồng thời, định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch cho UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định; Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện quản lý nhà nước và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

b) Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo mục tiêu và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách và theo đúng quy định hiện hành; Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn công tác quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ tại Kế hoạch này theo quy định và theo dõi, đánh giá chỉ số đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh.

c) Thông kê Gia Lai

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đánh giá chỉ số tăng năng suất lao động của tỉnh và đề xuất giải pháp phù hợp thúc đẩy nâng cao năng suất lao động của tỉnh.

d) Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch theo thẩm quyền được phân công; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 20 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

đ) Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai

Phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường thực hiện thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả triển khai của Kế hoạch, các mô hình áp dụng có hiệu quả và doanh nghiệp triển khai hoạt động nâng cao NSCL nổi bật, nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

e) Liên minh Hợp tác xã và Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Phối hợp với sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về NSCL cho doanh nghiệp; vận động, giới thiệu doanh nghiệp tham gia triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình NSCL; tham gia xét chọn khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động thúc đẩy nâng cao NSCL.

g) Tổ chức, doanh nghiệp

Nâng cao nhận thức về nâng cao NSCL, xác định và thúc đẩy hoạt động NSCL tại doanh nghiệp là một nhiệm vụ mang tính chiến lược trong sản xuất, kinh doanh; Tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và chia sẻ, học hỏi về nghiệp vụ hoạt động NSCL để triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình NSCL tại doanh nghiệp; Công bố tiêu chuẩn sản phẩm, hàng hoá/dịch vụ, tổ chức áp dụng quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo yêu cầu quy định; Nghiên cứu lựa chọn các tiến bộ KH&CN, các công cụ nâng cao NSCL, hệ thống quản lý tiên tiến, giải pháp công nghệ, mô hình hoạt động xuất sắc để phối hợp với nhiệm vụ hỗ trợ, chủ động triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình NSCL hoặc đề xuất tham gia triển khai các mô hình điểm ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tại doanh nghiệp; Đảm bảo nguồn lực trong triển khai, phối hợp thực hiện hoạt động NSCL tại doanh nghiệp; Đánh giá kết quả triển khai và phối hợp tổ chức sơ kết, tổng kết kế hoạch thực hiện Chương trình NSCL.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Các hoạt động chủ yếu của Kế hoạch ban gồm: Hoàn thiện cơ chế, chính sách; Thông tin, tuyên truyền; Hỗ trợ doanh nghiệp; Đào tạo nguồn nhân lực; Tăng cường năng lực hoạt động tư vấn và đánh giá sự phù hợp; Đẩy mạnh hội nhập quốc tế; Nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh; Sơ, tổng kết và tôn vinh, khen thưởng;... Nguồn lực tài chính cho các hoạt động trên sẽ được dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời, huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (kinh phí đối ứng của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định pháp luật). Đối với nguồn nhân lực, kết hợp nguồn lực tại địa phương và thuê bên ngoài để triển khai thực hiện, đồng thời, sử dụng cơ sở vật chất tại các cơ quan, đơn vị nhà nước liên quan để triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch được ban hành.

Do vậy, với kết quả triển khai Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và điều

kiện thực tiễn về nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực và cơ sở vật chất tại các cơ quan, đơn vị nhà nước hiện nay cơ bản đảm bảo cho việc triển khai các nội dung của Kế hoạch giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Trên đây là dự thảo Tờ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình bao gồm: (1) Dự thảo Kế hoạch giai đoạn 2026 – 2030; (2) Báo cáo tổng kết kết quả triển khai “Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”; (3) Bản đánh giá kết quả thực hiện Chương trình NSCL giai đoạn 2021-2025 và Dự kiến các nhiệm vụ, giải pháp và chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**